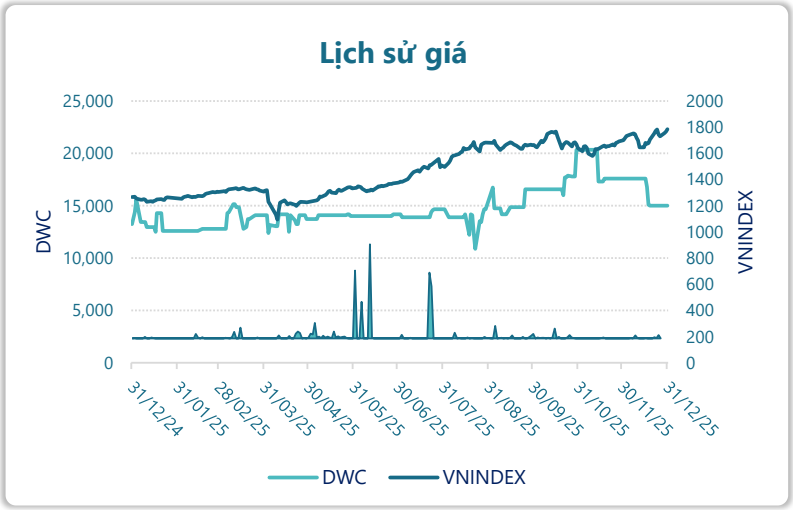
FireAnt

CTCP Cấp nước Đắk Lắk (UPCOM: DWC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,344
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,882
SL cổ phiếu LH	31,520,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	473
P/E	6.0
EPS	2,497

DT thuần

Q4/25

84.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.30| -1.5%

YoY: ▲ 13.9| 19.7%

LN sau thuế

Q4/25

20.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.00| -16.3%

YoY: ▲ 6.60| 48.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

32.9%

+/- YoY: ▲ 3.7%

DT thuần

2025

336

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 48.0| 16.9%

LN sau thuế

2025

78.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.7| 54.4%

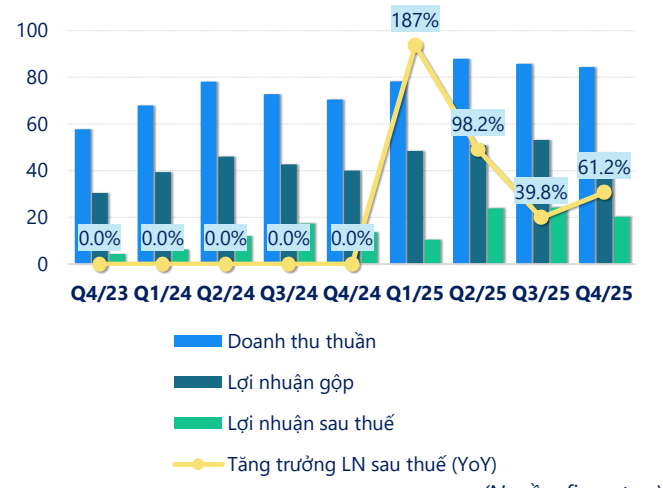
ROE

2025

20.4%

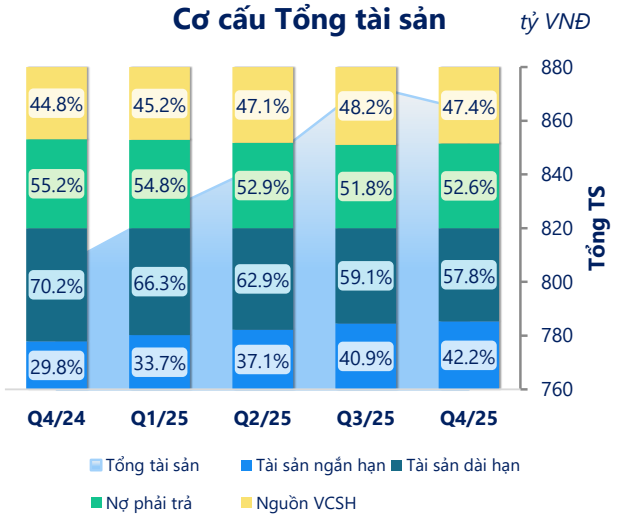
+/- YoY: ▲ 5.3%

Kết quả kinh doanh



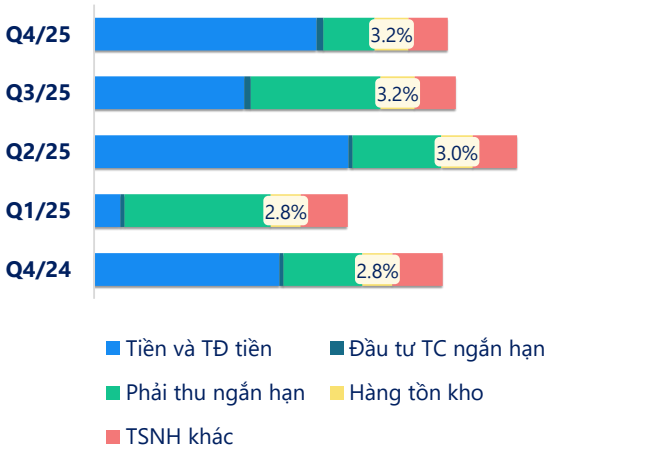
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



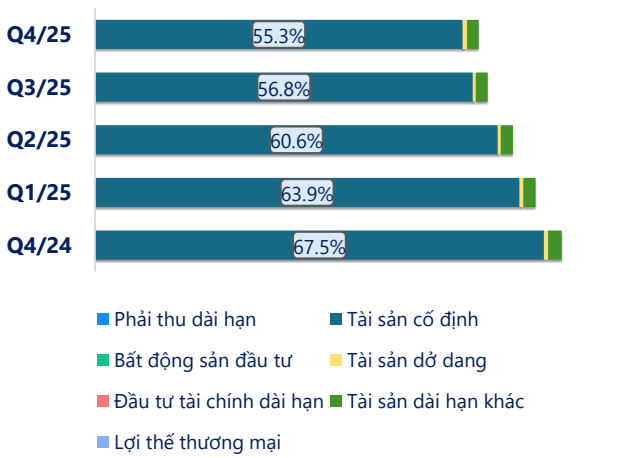
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



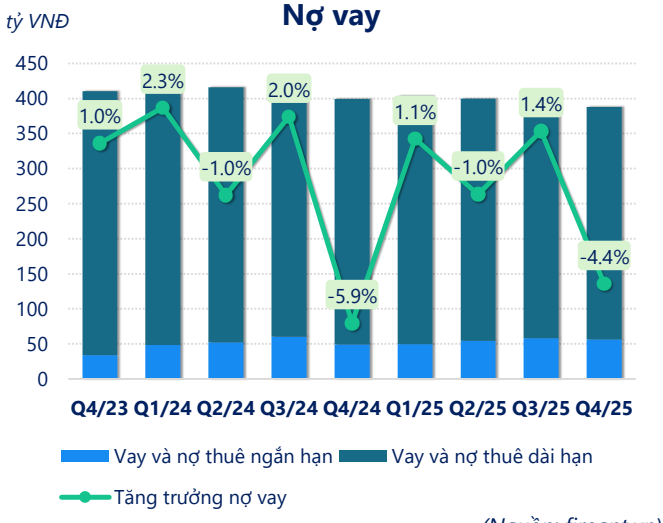
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



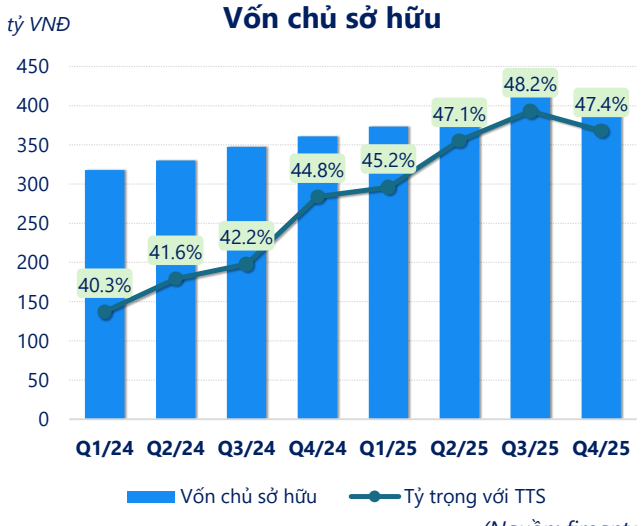
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



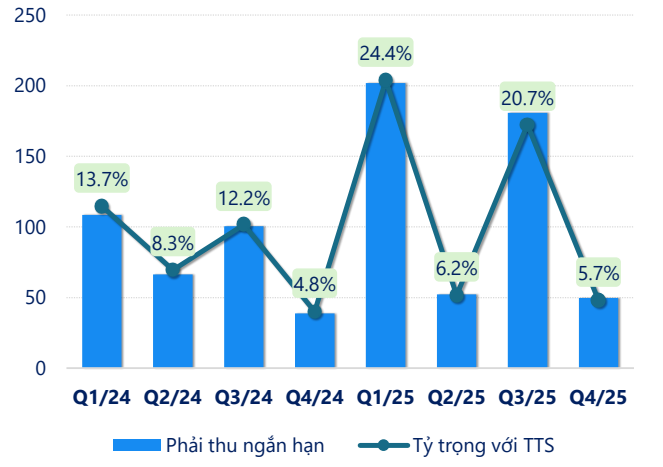
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



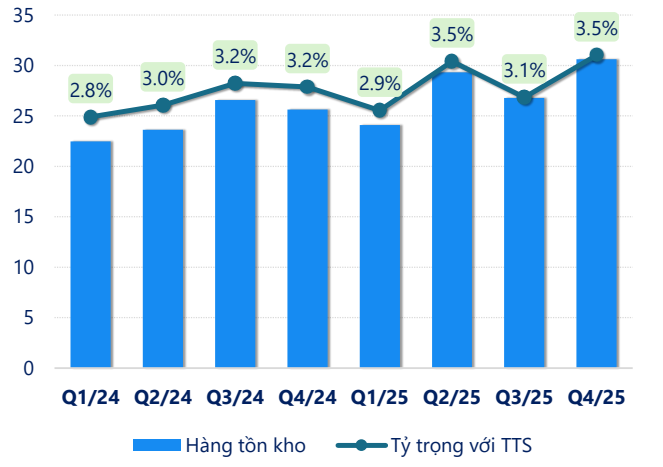
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



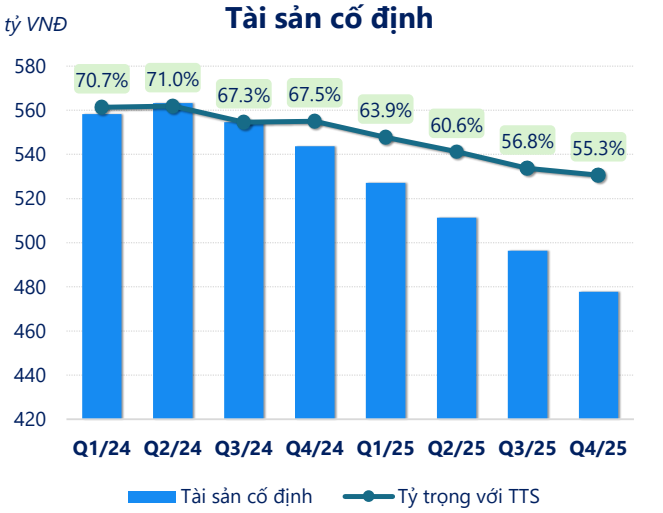
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



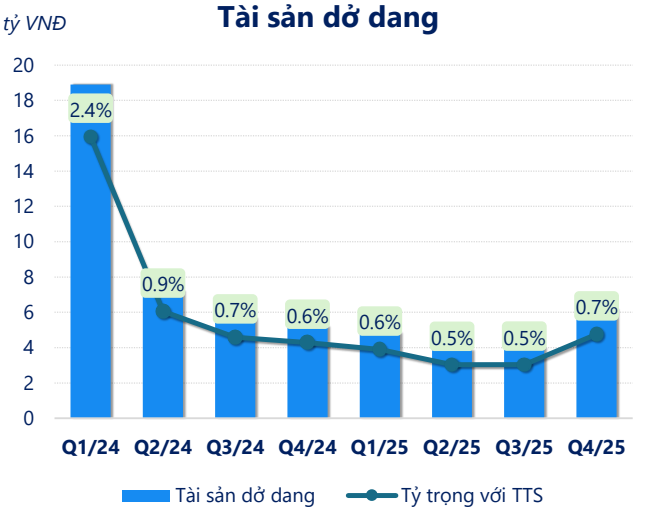
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



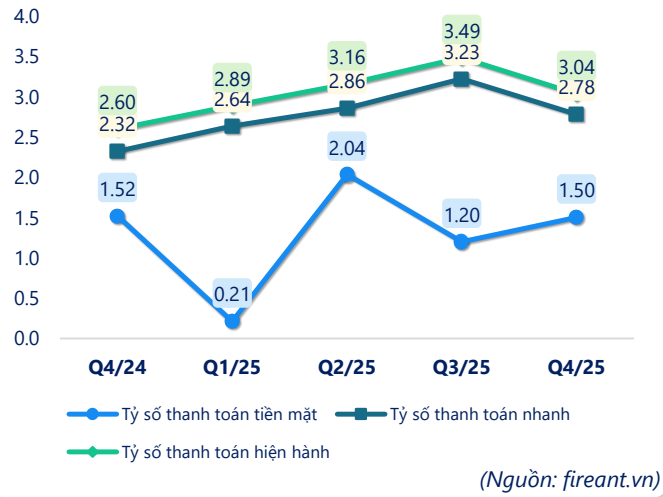
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



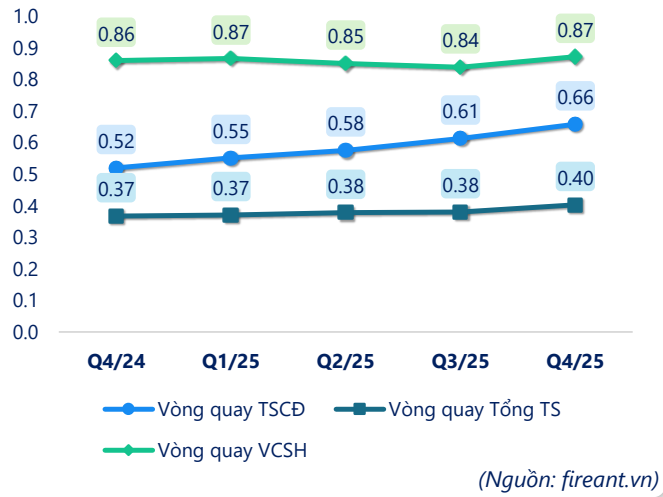
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**805**	**826**	**844**	**873**	**864**
Tài sản ngắn hạn	**240**	**278**	**313**	**357**	**365**
Tiền và tương đương tiền	140	20.5	202	123	181
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.25	5.25	5.25	5.25	85.3
Phải thu ngắn hạn	38.7	202	52.2	181	49.7
Hàng tồn kho	25.6	24.1	29.3	26.8	30.6
Tài sản ngắn hạn khác	29.8	26.8	24.4	21.4	18.7
Tài sản dài hạn	**565**	**547**	**531**	**516**	**499**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	544	527	511	496	478
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.17	4.83	3.84	3.99	6.16
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	16.5	15.2	15.5	15.7	15.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**444**	**452**	**447**	**452**	**454**
Nợ ngắn hạn	**92.0**	**96.4**	**99.1**	**102**	**120**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	49.0	49.7	54.3	58.2	56.3
Phải trả người bán ngắn hạn	7.01	4.49	7.13	1.70	4.80
Nợ dài hạn	352	356	348	350	334
Vay và nợ thuê dài hạn	350	354	346	347	331
Nguồn vốn chủ sở hữu	**361**	**373**	**397**	**421**	**410**
Vốn chủ sở hữu	**361**	**373**	**397**	**421**	**410**
Vốn điều lệ	315	315	315	315	315
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)